

Bản án số:76/2020/HSST

Ngày:25/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thuận và ông Nguyễn N Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Hoàng Thùy Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Phạm Anh Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại nhà văn hóa tổ 03, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2020/HSST ngày 29 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

***Phạm Hoàng C, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1982. Tại Hà Nội**

Nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Số nhà 12, ngách 121, ngõ 71, đường T, phường P, quận B, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Con ông: Phạm Văn V, sinh năm 1950. Con bà: Hoàng Thị Y, sinh năm 1956. Hiện bố mẹ của bị cáo đang trú tại: Số nhà 12, ngách 121, ngõ 71, đường T, phường P, quận B, TP Hà Nội; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/6/2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

*** Những người bị hại:**

1. Bà Nguyễn Thị Xuân B, sinh năm 1959. Trú tại: Tổ 03, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bà Lê Thị P, sinh năm 1957. Trú tại: Tổ 01, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái (đã chết); Đại diện theo ủy quyền: Chị Phạm Thị Diệu H, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ 07, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950. Trú tại: Tổ 02, phường Minh T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1950. Trú tại: Tổ 02, phường Minh T, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

5. Anh Lê Ngọc T, sinh năm 1980. Trú tại: Khu phố 03, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

6. Bà Đỗ Thị Bích T1, sinh năm 1955. Trú tại: Tổ 05, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

7. Anh Phạm Phi S, sinh năm 1985. Trú tại: Tổ 12, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

8. Chị Phạm Thị K, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ 18, phường Đồng Tâm, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

9. Bà Phan Thu H2, sinh năm 1962. Tổ 03, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Chị Bùi Thị M, sinh năm 1982. Trú tại: Khu phố 03, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

** Những người làm chứng:*

1. Anh Lê Quốc Đ, sinh năm 1971. Trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

2. Anh Lê Bảo N, sinh năm 1991. Trú tại: Trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. Anh Hoàng Gia T2, sinh năm 1996. Trú tại: Tổ 03, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

4. Người làm chứng: Bà Đặng Thị H3, sinh năm 1956. Trú tại: Khu 16, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua lời giới thiệu của bà Đặng Thị H3, khoảng đầu tháng 3 năm 2020, bà Nguyễn Thị Xuân B đã gọi vào số điện thoại 0359.204.930 của Phạm Hoàng C để hỏi xem C đang có dự án đầu tư gì không. Lúc này Phạm Hoàng C đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà B, C tự giới thiệu bản thân tên là Phạm Minh P1, là nhân viên phòng kế hoạch của Công ty TNHH A có trụ sở tại C, Hà Nội. Nếu bà B tham gia gói đầu tư 10.500.000 đồng thì sau một tháng Công ty sẽ giải ngân trả lãi là 18.000.000 đồng, sau 100 ngày thì có quyền rút vốn hoặc đầu tư tiếp. Bà B đồng ý, đến ngày 08/3/2020, bà B đã chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Phạm Hoàng C, số tài khoản 2121.00000.97778 mở tại Ngân hàng B Chi nhánh T, Hà Nội, số tiền 5.000.000 đồng. C nói với bà B nếu giới thiệu thêm được người tham gia thì sẽ được chiết khấu hoa hồng, vì vậy bà B đã giới thiệu về gói đầu tư này cho bà Lê Thị P. Ngày 09/3/2020, bà P đã đưa số tiền 10.500.000 đồng, cho bà B để nhờ bà B tham gia đầu tư một gói nhưng vì C hứa hẹn sẽ trừ tiền hoa hồng cho bà B nên C thống nhất “cất” lại cho bà B 600.000 đồng, tiền hoa hồng mua hai mã liên tiếp, số tiền còn lại là 9.900.000 đồng, bà B đã chuyển khoản vào tài khoản B của C. Số tiền 600.000 đồng hoa hồng này đến nay bà B đã trả lại bà P.

Đến ngày 10/3/2020, bà B xuống Hà Nội hẹn gặp C và hỏi C xem còn dự án nào khác không thì C trả lời có nhưng tiền kiếm được ít, đồng thời giới thiệu cho

bà B về hai app (ứng dụng) được cài đặt trên điện thoại là app “kikitimes” và app “streetbees” với chi phí cài đặt là 1.200.000đồng; sau khi cài đặt trên điện thoại hàng ngày vào làm nhiệm vụ để kiếm tiền. C còn giới thiệu cho bà B về một loại thẻ ngân hàng có thể giao dịch được trên toàn thế giới với giá làm thẻ là 500.000đồng. Sau khi nghe C giới thiệu, bà B đồng ý làm thẻ ngân hàng và mua hai app đầu tư rồi nhờ C cài đặt hướng dẫn làm nhiệm vụ, đồng thời cũng mua cho bà Lê Thị P hai app đầu tư và thẻ ngân hàng này. Tại đây, bà B đã đưa cho Phạm Hoàng C số tiền 8.600.000đồng; gồm: 5.200.000đồng là tiền tham gia gói đầu tư đã đặt cọc ngày 08/3/2020 còn thiếu, theo như thỏa thuận thì là 5.500.000đồng nhưng C đã trừ cho bà B 300.000đồng tiền giới thiệu thêm được một người tham gia: 1.000.000đồng là tiền bà B và bà P làm thẻ ngân hàng và 2.400.000đồng là tiền bà P và bà B mua hai app đầu tư cài đặt trên điện thoại. Thực tế chỉ có bà B đã được cài đặt hai app đầu tư này và hàng ngày bà B vẫn vào chơi trò chơi làm nhiệm vụ còn bà P vẫn chưa được C cài đặt hai app này vào điện thoại. Về thẻ ngân hàng mà C nói có thể giao dịch được ở mọi ngân hàng trên thế giới cũng là do C tự nghĩ ra để nhằm mục đích lấy được tiền của bà B, thực tế không có loại thẻ nào như vậy.

Ngày 13/3/2020, bà B tiếp tục chuyển khoản số tiền 31.500.000đồng vào tài khoản B của Phạm Hoàng C để mua 03 (ba) gói đầu tư trị giá 10.500.000đồng, trong đó có 10.500.000đồng của bà B và 21.000.000đồng là của bà Lê Thị P. Tiếp sau đó, ngày 14/3/2020, bà B chuyển khoản cho C số tiền 3.000.000đồng và ngày 16/3/2020 chuyển khoản số tiền 7.500.000đồng. Trong thời gian này, bà B liên lạc với C hỏi xem còn gói đầu tư nào khác không. Nhận thấy việc lừa bà B chuyển tiền cho mình rất dễ nên Phạm Hoàng C lại tự nghĩ ra một gói đầu tư mới trị giá 15.000.000đồng và nói với bà B “bên con đang có dự án đầu tư mới trị giá 15.000.000đồng, sau một tháng đầu tư sẽ nhận được tiền lãi là 21.500.000đồng và sau 100 ngày sẽ được nhận lại tất cả tiền gốc đã đầu tư cả dự án 10.500.000đồng và dự án 15.000.000đồng”. Nghe C nói bà B bảo không có tiền và đã hỏi “cho nợ được không”?. Thấy vậy, C nói với bà B “nếu cô muốn đứng đầu tuyến Yên Bái thì bên con có gói nâng cấp từ 10.500.000đồng lên gói 15.000.000đồng và lãi nhận được sau một tháng vẫn là 21.500.000đồng” nhưng bà B bảo nhiều tiền quá. Để lôi kéo bà B tiếp tục nộp tiền, C đã nghĩ ra hình thức lừa đảo mới để lừa bà B và đã bảo: “Cô nâng cấp một gói bằng cách nộp thêm vào 2.000.000đồng, còn 2.500.000đồng, con sẽ xin công ty giảm cho cô”. Tin tưởng vào những gì C nói là sự thật, ngày 30/3/2020, bà B đã chuyển khoản cho C số tiền 2.000.000đồng. Sau đó, bà B đã gọi điện hỏi C “Cô tham gia nhiều không được thưởng gì à” thì C lại nghĩ ra một cách thức mới để lừa bà B gửi tiền cho mình. C nói với bà B: “Vì cô tham gia nhiều nên bên con đang có một gói đầu tư mới mang tên hoa hồng kép (gói bonus) để tri ân khách hàng”; cụ thể là

với hai gói của dự án 15.000.000đồng, bà B chỉ cần nộp vào số tiền 8.000.000đồng, thì sau một tháng vẫn nhận được tiền lãi là 43.000.000đồng. Sau khi nghe C nói vậy, ngày 01/4/2020, bà B chuyển khoản trước cho C số tiền 5.500.000đồng, đồng thời hỏi C về ngày nhận tiền lãi có bị ảnh hưởng gì không. Khi đó, C đã lấy lý do của việc giãn cách xã hội vì dịch bệnh Covid 19 và mạng cáp quang bị đứt trên biển nên ngân hàng không làm việc và đường truyền bị ảnh hưởng, tiền chưa thể giải ngân về được để trì hoãn việc trả tiền lãi cho bà B.

Đối với các gói đầu tư và lợi nhuận, đều do Phạm Hoàng C tự nghĩ ra, không đúng sự thật, với mục đích để lừa bà Nguyễn Thị Xuân B gửi tiền cho C. Khi bà B chuyển tiền vào tài khoản, C đã không thực hiện như thỏa thuận mà chỉ trích một phần tiền của bà B để trả lãi, còn chiếm đoạt số tiền bà B gửi để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Từ ngày 08/3/2020 đến ngày 01/4/2020, bà B đã 07 (bảy) lần chuyển khoản và một lần trực tiếp đưa tiền cho Phạm Hoàng C với tổng số tiền là 73.000.000đồng. Trong đó chỉ có 1.200.000đồng, tiền mua hai ứng dụng cài vào điện thoại di động của Nguyễn Thị Xuân B là được thực hiện như lời giới thiệu còn lại toàn bộ số tiền 71.800.000đồng, gồm 39.200.000đồng của bà B và 32.600.000đồng, của bà Lê Thị P, Phạm Hoàng C đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết, không đầu tư vào bất kỳ dự án hay công ty nào.

Để tiếp tục lừa bà B tin tưởng gửi tiền cho mình, khoảng cuối tháng 4, đầu tháng 5 năm 2020, Phạm Hoàng C lại tự đưa ra một gói đầu tư mới và giới thiệu cho bà B về gói đầu tư này trị giá 2.500.000đồng, khi đầu tư mỗi ngày sẽ nhận được số tiền lãi là 400.000đồng. Nghĩ rằng gói đầu tư này hấp dẫn, vốn bỏ ra ít lại thu tiền lãi trong ngày và nhanh chóng thu hồi được vốn nên bà B muốn mời C lên thành phố Y trực tiếp chia sẻ với những người bạn của bà B và đề nghị C mở chi nhánh Công ty tại Yên Bái. C đã lấy danh nghĩa Công ty TNHH A (mã số doanh nghiệp 0314550653) do C thành lập năm 2017 tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã ngừng hoạt động từ ngày 27/12/2017 để soạn thảo phiếu tham gia gói quảng cáo và hợp đồng tham gia sản phẩm quảng cáo bitcoin với đại diện chi nhánh Công ty là bà Phạm Minh P1. Những văn bản này C đã thuê một cơ sở photo copy tại Hà Nội không rõ địa chỉ cụ thể soạn thảo và in ra làm nhiều bản, đóng sẵn dấu của Công ty TNHH A. Đến đầu tháng 5/2020, Phạm Hoàng C đã lên thành phố Y theo lời mời của bà Nguyễn Thị Xuân B, trực tiếp gặp gỡ một số người và giới thiệu về bản thân, về Công ty và gói đầu tư mới trị giá 2.500.000đồng như đã giới thiệu với bà B. Với gói đầu tư này, hầu hết khách hàng khi tham gia đều phải lập một tài khoản V để C trả tiền lãi vào đó, còn tiền khi tham gia đầu tư thì khách hàng đưa tiền mặt cho C, hoặc gửi vào số tài khoản B 2121.00000.97778 của C.

Để tạo lòng tin và lôi kéo được nhiều người, khi có người tham gia gửi tiền C đã dùng chính tiền của những người này để trả lại hàng ngày cho chính họ là 400.000 đồng/1 ngày với một mã đầu tư trị giá 2.500.000đồng. Tin tưởng vào những lời giới thiệu của C nên đã có 10 (Mười) người đã chuyển tiền cho C. Cụ thể:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân B: Trong tháng 5 năm 2020 đã 07 lần chuyển khoản cho Phạm Hoàng C với tổng số tiền là 24.850.000đồng. Cụ thể: ngày 13/5 chuyển khoản 2.000.000đồng; ngày 17/5 chuyển 2.500.000đồng; ngày 18/5 chuyển 6.650.000đồng; ngày 22/5 chuyển 2.000.000đồng; ngày 26/5 chuyển 4.200.000đồng; ngày 28/5 chuyển 4.000.000đồng; ngày 29/5 chuyển 3.500.000đồng. Sau khi nhận tiền của bà B, C đã dùng chính tiền bà B chuyển để trả lại cho bà B tổng số 18.400.000đồng. Trong đó có một lần đưa tiền mặt 400.000đồng và 05 lần chuyển khoản vào tài khoản V của bà B số 19029171960036 (cụ thể: Ngày 13/5, 14/5 mỗi ngày trả 400.000đồng; ngày 15/5 trả 2.800.000đồng; ngày 19/5 trả 4.800.000đồng; ngày 22/5 trả 9.600.000đồng).

Như vậy, tổng số tiền Phạm Hoàng C đã chiếm đoạt của bà B từ ngày 08/3 đến hết tháng 5/2020 là: 39.200.000đồng + 24.850.000đồng - 18.400.000đồng = 45.650.000đồng.

2. Bà Lê Thị P: Trong tháng 5 năm 2020, bà P đã đưa tiền mặt nhờ bà B chuyển khoản cho Phạm Hoàng C là 29.000.000đồng. Trong đó ngày 21/5 trực tiếp đưa 25.100.000đồng và chuyển 2.500.000đồng; ngày 26/5 nhờ bà B chuyển khoản hộ 1.400.000đồng.

Với số tiền bà P đã tham gia, Phạm Hoàng C đã chuyển khoản vào tài khoản V của bà B để trả lại cho bà P số tiền 4.800.000đồng vào ngày 22/6 dưới tên Hoàng Gia T2 (vì bà P sức khỏe yếu không trực tiếp ra ngân hàng giao dịch được nên bà B đã lấy tên con trai là Hoàng Gia T2 để thay bà P tham gia đầu tư).

Tổng số tiền Phạm Hoàng C đã chiếm đoạt của bà Lê Thị P từ đầu tháng 3 đến hết tháng 5/2020 là: 32.600.000đồng + 29.000.000đồng - 4.800.000đồng = 56.800.000đồng.

3. Bà Nguyễn Thị N đã trực tiếp nghe Phạm Hoàng C giới thiệu về gói đầu tư và đã gửi cho C tổng số tiền là 12.500.000đồng, trong ngày 05/5/2020, trong đó có một lần trực tiếp đưa 2.500.000đồng và một lần chuyển khoản cho C 10.000.000đồng. Sau khi nhận được tiền bà N gửi, C đã 04 (Bốn) lần chuyển khoản vào tài khoản V số 9xxxxxxx của bà N với tổng số tiền là 8.900.000đồng. Cụ thể: ngày 18/5 trả 2.200.000đồng; ngày 19/5 trả 1.100.000đồng; ngày 22/5 trả 3.600.000đồng; ngày 25/5 trả 2.000.000đồng.

Số tiền Phạm Hoàng C đã lừa đảo chiếm đoạt của bà N là: 12.500.000đồng - 8.900.000đồng = 3.600.000đồng.

4. Ông Nguyễn Văn H1 đã trực tiếp nghe Phạm Hoàng C giới thiệu về gói đầu tư và đã trực tiếp đưa cho C 2.500.000 đồng. Sau đó, C đã chuyển khoản trả vào tài khoản V của ông H1 800.000đồng. Số tiền C đã lừa đảo chiếm đoạt của ông H1 là: 2.500.000đồng- 800.000đồng = 1.700.000đồng.

5. Ông Lê Ngọc T: Khoảng giữa tháng 5/2020, khi lên thành phố Y để trực tiếp chia sẻ cho một số người bạn của bà Nguyễn Thị Xuân B về gói đầu tư trị giá 2.500.000đồng, C đã tuyển ông T vào làm nhân viên kỹ thuật và cho đi thành phố Đà Nẵng để tập huấn tay nghề theo chương trình của Công ty nhưng khi ông T cùng C vào đến Đà Nẵng, C nói với ông T là Giám đốc bận nên không tập huấn được nhưng thực tế không có giám đốc hay C trình tập huấn nào mà do C tự đưa ra, việc tuyển chọn nhân viên kỹ thuật chỉ là một thủ đoạn để tạo lòng tin với các khách hàng về mô hình hoạt động của công ty.

Trong thời gian ở Đà Nẵng, ông T đã được C giới thiệu, tư vấn về gói đầu tư trị giá 2.500.000đồng. Trong tháng 5 năm 2020, ông T đã 03 (Ba) lần chuyển khoản vào tài khoản B của C với tổng số tiền là 13.500.000đồng. Cụ thể: ngày 26/5 chuyển khoản 5.000.000đồng và 7.500.000đồng; ngày 29/5 chuyển 1.000.000đồng. Sau đó, C đã 04 (Bốn) lần chuyển trả lại tiền cho ông T vào tài khoản ngân hàng của vợ ông T (số tài khoản 1xxxxxxx) là bà Bùi Thị M mỗi lần 2.000.000đồng vào các ngày 26/5, 27/5, 28/5 và 30/5.

Số tiền C đã lừa đảo chiếm đoạt của ông T là: 13.500.000đồng- 8.000.000đồng = 5.500.000đồng.

6. Bà Phan Thu H2 đã chuyển khoản vào tài khoản B của Phạm Hoàng C số tiền 12.500.000đồng. Cụ thể: ngày 18/5 chuyển 2.500.000đồng; ngày 26/5 chuyển 7.500.000đồng và ngày 06/5 nhờ bà B chuyển khoản hộ 2.500.000đồng. Sau đó Phạm Hoàng C đã chuyển trả vào tài khoản 3711.0000.178.479 mở tại ngân hàng B chi nhánh Yên Bái của bà H2 số tiền 8.200.000đồng. Như vậy, Phạm Hoàng C đã lừa đảo chiếm đoạt của bà H2 số tiền là: 12.500.000đồng - 8.200.000đồng = 4.300.000đồng.

7. Bà Phạm Thị K chuyển khoản vào tài khoản của C và đưa tiền trực tiếp cho C tổng số tiền 45.000.000đồng. Cụ thể: đưa trực tiếp 7.500.000đồng; ngày 21/5 chuyển khoản 5.000.000đồng; ngày 24/5 chuyển 27.500.000đồng; ngày 30/5 chuyển 5.000.000đồng. Trong quá trình bà K gửi tiền cho C thì C đã dùng chính tiền của bà K để chuyển trả lại vào tài khoản B số 3xxxxxxx của bà K số tiền 19.800.000đồng vào các ngày 22/5 trả 2.000.000 đồng; ngày 25/5 trả 6.400.000đồng; ngày 26/5 trả 5.000.000đồng; ngày 27/5 trả 6.400.000đồng. Phạm Hoàng C đã lừa đảo chiếm đoạt của bà K số tiền là: 45.000.000đồng - 19.800.000đồng = 25.200.000đồng.

8. Bà Đỗ Thị Bích T1 đã tham gia theo lời tư vấn, giới thiệu của Phạm Hoàng C với tổng số tiền là 14.000.000đồng, trong đó: ngày 17/5 nhờ bà B

chuyển khoản hộ 2.600.000đồng; ngày 21/5 đưa trực tiếp tại Yên Bái số tiền 10.000.000đồng và ngày 26/5 nhờ bà B chuyển khoản hộ 1.400.000đồng. Quá trình bà T1 tham gia, C đã chuyển khoản vào tài khoản V số 9xxxxxx của bà T1 để trả lại cho bà T1 số tiền 3.200.000đồng vào các ngày 18/5/2020 và 19/5/2020 mỗi ngày trả 400.000đồng, ngày 22/5/2020 trả 2.400.000đồng.

Số tiền Phạm Hoàng C đã chiếm đoạt của bà T1 là: 14.000.000đồng - 3.200.000đồng = 10.800.000đồng.

9. Ông Phạm Phi S: Qua lời giới thiệu của ông Lê Ngọc T, ông S đã tin và đã 03 (Ba) lần gửi tiền vào tài khoản B của C với tổng số tiền là 10.000.000đồng vào các ngày 27/5/2020 chuyển 5.000.000đồng và ngày 28/5/2020 chuyển khoản hai lần, mỗi lần 2.500.000đồng. Sau đó C đã chuyển trả lại cho ông S vào tài khoản Vietinbank 105.868.069.604 của ông S số tiền 1.200.000đồng. Số tiền C đã chiếm đoạt của ông S là: 10.000.000đồng - 1.200.000đồng = 8.800.000đồng.

10. Bà Hoàng Thị Q: Sau khi nghe Phạm Hoàng C trực tiếp tư vấn, giới thiệu đã tham gia đầu tư. Ngoài ra, bà Q còn mượn chứng minh thư của chồng là Lê Quốc Đ và con trai là Lê Bảo N để tham gia với tư cách là những người mà bà Q mời tham gia nhưng thực tế ông Đ và N không biết. Tổng số tiền bà Q đã chuyển vào tài khoản B của C là 62.100.000đồng. Trong quá trình bà Q tham gia dưới tên của bà Q và của chồng, con bà Q, Phạm Hoàng C đã chuyển khoản trả vào tài khoản V của bà Q (số 8xxxxxx) và tài khoản V của ông Lê Quốc Đ (số 7xxxxxx) tổng số là 72.350.000đồng, bà Q là người duy nhất Phạm Hoàng C đã chuyển trả lại tiền thừa 10.250.000đồng (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền Phạm Hoàng C đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của các bị hại nêu trên là: 162.350.000đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Phạm Hoàng C đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại nêu trên từ 8/3/2020 đến hết tháng 5 năm 2020. Đầu tháng 6 năm 2020, sau khi đã sử dụng một phần tiền của các bị hại gửi vào tài khoản của C để chuyển khoản trả lại cho chính các bị hại, số tiền còn lại Phạm Hoàng C đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết; mặt khác điện thoại có lắp sim số thuê bao 0359.204.930 mà C đã sử dụng để giao dịch, liên lạc với các bị hại trên C khai báo đã bị mất nên cũng cắt đứt liên lạc với các bị hại với mục đích chiếm đoạt tiền của họ.

Quá trình điều tra thu giữ của Phạm Hoàng C:

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu Vsmart VOS 2.5, có lắp sim số thuê bao 0373761413, số IMEI 1: 352705110996384 và số IMEI 2: 352705110996392.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, có lắp sim số thuê bao 0936241794 và 0972684600; số IMEI 1: 866026044718904, số IMEI 2: 866026044718912.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 012371702 mang tên Phạm Hoàng C do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07/3/2012.

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 001082030419 mang tên Phạm Hoàng C do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 04/12/2018.

*Tạm giữ tại nơi ở của Phạm Hoàng C trong quá trình khám xét: 01 (một) dấu tròn khắc tên Công ty TNHH A; 01 (một) dấu khắc tên “Giám đốc Phạm Minh P1”; 01 (một) dấu khắc tên “Giám đốc Phạm Hoàng C”;

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0314550653; tên công ty: Công ty TNHH A, địa chỉ trụ sở chính: 149B B, phường 2, quận B, TP Hồ Chí Minh do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 02/8/2017.

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0xxxxxx; tên công ty: Công ty TNHH B, địa chỉ trụ sở chính: số nhà 30, ngõ 583, đường V, phường K, quận T, TP Hà Nội do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 16/5/2019, thay đổi lần thứ nhất ngày 30/5/2019.

Bản cáo trạng số55/CT-VKS ngày 28/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố bị cáo Phạm Hoàng C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái luận tội đối với bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm p, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Hoàng C từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc Phạm Hoàng C phải bồi thường số tiền chiếm đoạt cho những người bị hại, gồm: Bà Nguyễn Thị Xuân B số tiền 45.650.000đồng; bà Lê Thị P 56.800.000đồng; bà Nguyễn Thị N 3.600.000đồng; ông Nguyễn Văn H1: 1.700.000đồng; ông Lê Ngọc T 5.500.000đồng; bà Phan Thu H2 4.300.000đồng; bà Phạm Thị K 25.200.000đồng; bà Đỗ Thị Bích T1 10.800.000đồng.

Đối với số tiền 8.800.000đồng bị cáo chiếm đoạt của ông Phạm Phi S, ông S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và số tiền bị cáo chuyển trả thừa cho bà

Hoàng Thị Q là 10.250.000đồng, bị cáo không yêu cầu bà Q hoàn trả, nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật TTHS, Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Phạm Hoàng C thừa nhận bản thân đã sử dụng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của những người bị hại như nêu trên. Bị cáo rất hối hận và xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Hoàng C thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: vật chứng thu giữ, kết luận điều tra, bản cáo trạng, nên có đủ cơ sở để kết luận:

Lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của một số người dân trên địa bàn thành phố Y, trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5/2020, Phạm Hoàng C đã đưa ra các thông tin giả về bản thân là nhân viên Phòng kế hoạch của Công ty TNHH A, có trụ sở tại thành phố Hà Nội (thực tế Công ty này đã ngừng hoạt động) để tư vấn, quảng bá về các gói đầu tư với mức huy động vốn khác nhau, người tham gia đầu tư sẽ được hưởng lãi suất, tương ứng với số vốn đầu tư mình tham gia. Các gói đầu tư C đề ra có mức vốn huy động gồm, gói 2.500.000đồng, người tham gia đầu tư được hưởng mức lãi suất 400.000đồng/1 ngày; gói đầu tư 10.500.000đồng, sau một tháng khách hàng tham gia được hưởng mức lãi 18.000.000đồng/1 tháng; gói đầu tư 15.000.000đồng, sau một tháng khách hàng tham gia được hưởng mức lãi suất là 21.500.000đồng. Phương thức đầu tư, khách hàng đưa tiền mặt hoặc chuyển tiền vào số tài khoản của Phạm Hoàng C, C sẽ trả tiền lãi cho khách hàng vào số tài khoản V do C hướng dẫn những người tham gia tạo lập hoặc số tài khoản mở tại các Ngân hàng khác nhau do khách hàng cung cấp cho bị cáo. Với

thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 5/2020, có 10 cá nhân cư trú tại địa bàn thành phố Y đã chuyển tiền cho Phạm Hoàng C, gồm các ông bà Nguyễn Thị Xuân B, Lê Thị P, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H1, Lê Ngọc T, Phan Thu H2, Phạm Thị K, Đỗ Thị Bích T1, Phạm Phi S, Hoàng Thị Q. Sau khi dùng một phần tiền của chính người đầu tư để trả lại (dưới hình thức tiền lãi) nhằm tạo lòng tin đối với họ, số tiền còn lại C đã chiếm đoạt để tiêu sài vào mục đích cá nhân và không có khả năng hoàn trả. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là **162.350.000 đồng**. Hành vi sử dụng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của những người bị hại do Phạm Hoàng C thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái truy tố bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy:

Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Đây cũng là bài học để cảnh tỉnh một số bà con nhân dân trên địa bàn thành phố Y đối với các thủ đoạn lừa đảo mới, cần thận trọng, cảnh giác trong việc sử dụng nguồn vốn, không nên tin tưởng những lời mời gọi về các khoản lợi nhuận, lãi suất cao, hấp dẫn phát sinh trong thời gian ngắn, nhưng chỉ phải bỏ ra một khoản tiền không lớn để đầu tư, từ đó dễ dàng tạo điều kiện cho thủ đoạn lừa đảo mới phát triển. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức, điều khiển mọi hành vi, hoạt động của bản thân nhưng do mong muốn có tiền tiêu sài bất chính nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo liên tiếp chiếm đoạt tài sản của nhiều người, do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bản thân là người khuyết tật nặng, nên cho hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chiếm đoạt tài sản của 09 bị hại, số tiền mỗi lần chiếm đoạt đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, cũng như tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét mức hình phạt Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái đề nghị là phù hợp, nên được HĐXX chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Yên Bái, bị cáo là người không có việc làm, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại gồm: Bà Nguyễn Thị Xuân B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 45.650.000đồng; chị Phạm Thị Diệu H (đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị P) yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 56.800.000đồng; bà Nguyễn Thị N yêu cầu số tiền là 3.600.000đồng, ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu số tiền là 1.700.000đồng; ông Lê Ngọc T yêu cầu là 5.500.000đồng; bà Phan Thu H2 yêu cầu số tiền là 4.300.000đồng; bà Phạm Thị K yêu cầu số tiền là 25.200.000đồng, bà Đỗ Thị Bích T1 yêu cầu số tiền là 10.800.000đồng. Xét thấy, yêu cầu đòi bồi thường của những người bị hại là có căn cứ, đồng thời bị cáo cũng nhất trí bồi thường số tiền nêu trên, nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với số tiền 8.800.000đồng bị cáo chiếm đoạt của anh Phạm Phi S, anh S không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh khoản tiền này, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo chuyển trả cho chị Hoàng Thị Q còn thừa là 10.250.000đồng, đây là tài sản của của bị cáo, bị cáo không yêu cầu chị Q phải hoàn trả khoản tiền này, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động lắp sim số thuê bao 0359.204.930, bị cáo sử dụng vào việc liên lạc, trao đổi, tư vấn về các gói đầu tư với bà Nguyễn Thị Xuân B và một số người khác, bị cáo đã làm mất, không tìm thấy nên không đặt vấn đề xử lý.

- Đối với 02 chiếc điện thoại, trong đó có 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu Vsmart VOS 2.5, có lắp sim số thuê bao 0373761413, số IMEI 1: 352705110996384 và số IMEI 2: 352705110996392; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, có lắp sim số thuê bao 0936241794 và 0972684600; số IMEI 1: 866026044718904, số IMEI 2: 866026044718912, đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc liên lạc hàng ngày, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên được trả lại cho bị cáo.

- Đối với 03 con dấu thu giữ tại nơi ở của bị cáo, trong đó 01 dấu tròn khắc tên Công ty TNHH A, bị cáo sử dụng đóng lên các Phiếu tham gia quảng cáo, đây là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên bị tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 con dấu khắc tên “giám đốc Phạm Minh P1”; 01 con dấu khắc tên “giám đốc Phạm Hoàng C”, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0314550653; tên công ty: Công ty TNHH A, địa chỉ trụ sở chính: 149B B, phường 2, quận B, TP Hồ Chí Minh do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 02/8/2017; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0xxxxxxx; tên công ty: Công ty TNHH B, địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 30, ngõ 583, đường V, phường K, quận T, TP Hà Nội do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 16/5/2019, thay đổi lần thứ nhất ngày 30/5/2019. Đây là các tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên được lưu theo hồ sơ.

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 012371702 mang tên Phạm Hoàng C do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07/3/2012; 01 (một) thẻ căn cước công dân số 001082030419 mang tên Phạm Hoàng C do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 04 tháng 12 năm 2018, đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên được trả lại cho bị cáo.

- Đối với một số vật chứng khác không có giá trị sử dụng nên bị tịch thu tiêu hủy.

[10] Về hành vi khác có liên quan: Trong vụ án này, bị cáo có hành vi sử dụng con dấu khắc tên Công ty TNHH A, đóng lên các phiếu tham gia quảng cáo. Đây là con dấu thật, nhưng bị sử dụng vào mục đích gian dối, nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại -thuộc hành vi khách quan trong tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không khởi tố, truy tố bị cáo về tội Sử dụng con dấu giả của cơ quan, tổ chức là có căn cứ.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu tiền án phí sơ thẩm; Bị cáo; bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Hoàng C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm p, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Hoàng C **04** năm **06** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2020 (ngày tạm giam bị cáo).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 586; 589; 357; 468 Bộ luật dân sự 2015. Buộc Phạm Hoàng C phải bồi thường tiền cho những người bị hại, gồm:

- + Bà Nguyễn Thị Xuân B: 45.650.000đồng;
- + Bà Lê Thị P (do chị Phạm Thị Diệu H đại diện): 56.800.000đồng;
- + Bà Nguyễn Thị N: 3.600.000đồng;
- + Ông Nguyễn Văn H1: 1.700.000đồng;
- + Anh Lê Ngọc T: 5.500.000đồng;
- + Bà Phan Thu H2: 4.300.000đồng;
- + Bà Phạm Thị K: 25.200.000đồng,
- + Bà Đỗ Thị Bích T1: 10.800.000đồng.

Kể từ ngày những người bị hại (có tên trên) có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- *Trả cho bị cáo:*

+ 02 chiếc điện thoại, trong đó có 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu Vsmart VOS 2.5, có lắp sim số thuê bao 0373761413, số IMEI 1:352705110996384 và số IMEI 2: 352705110996392; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, có lắp sim số thuê bao 0936241794 và 0972684600; số IMEI 1: 866026044718904, số IMEI 2: 866026044718912.

+ 01 giấy chứng minh nhân dân số 012371702 mang tên Phạm Hoàng C do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07/3/2012;

+ 01 thẻ căn cước công dân số 001082030419 mang tên Phạm Hoàng C do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 04 tháng 12 năm 2018.

+ 01 con dấu khắc tên “giám đốc Phạm Minh P1”;

+ 01 con dấu khắc tên “giám đốc Phạm Hoàng C”.

- *Tịch thu tiêu hủy:*

+ 01 dấu tròn khắc tên Công ty TNHH A;

+ 01 hộp bìa dùng để niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ khi khám xét chỗ ở của Phạm Hoàng C ngày 09/6/2020 sau khi mở niêm phong ngày 08/7/2020.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Hoàng C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 7.677.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái;
- VKSNDTPYB;
- CA tỉnh YB;
- Trại TGCATYB (01bc)
- Bị hại (09);
- Người lq (02);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố;
- Hồ sơ NVCATP YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy

